

THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện huyện Củ Chi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **Chào giá trực tuyến hóa chất của Bệnh viện huyện Củ Chi** thuộc dự toán: **Chào giá trực tuyến hóa chất của Bệnh viện huyện Củ Chi** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện huyện Củ Chi.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.

3.2. Nhận qua email: tothau.bvcc@gmail.com. (Công ty gửi thư bằng báo giá về địa chỉ: Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 13. tháng 2. năm 2025 đến ngày 24 tháng 2 năm 2025.

- Cụ thể thời gian tiếp nhận báo giá mỗi ngày trong thời hạn quy định như sau:

- Sáng: Từ 07h30 đến 11h30;
- Chiều: Từ 13h30 đến 16h30.

- Các báo giá sẽ được Bệnh viện tiếp nhận trong giờ hành chính các ngày trong tuần (Bệnh viện sẽ không tiếp nhận báo giá vào ngày thứ 7 và chủ nhật hàng tuần).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ thời hạn tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị). (Đính kèm Phụ lục danh mục hàng hóa).

2. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện huyện Củ Chi.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 24 giờ đến 48 giờ tính từ khi nhà thầu nhận được đơn đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: không có.
- Thanh toán hợp đồng khi trúng thầu:

Hình thức thanh toán: chuyển khoản;

Thời hạn thanh toán: 90-120 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận được hóa đơn tài chính và đầy hồ sơ thanh toán (bao gồm: Biên Bản nghiệm thu, Mẫu số 08a, Bảng đối chiếu công nợ) của nhà thầu;

5. Các thông tin khác:

- Nhà thầu vui lòng báo giá mẫu (Đính kèm Mẫu báo giá);
- Mô tả đặc tính kỹ thuật có thể được thay đổi khi HĐKHCN của Bệnh viện có nhu cầu;
- Địa điểm cung cấp hàng hóa sau khi trúng thầu và ký kết hợp đồng: Tại Kho hóa chất – Bệnh viện huyện Củ Chi – Địa chỉ: số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM;

Trân trọng .

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TMS (THTT.02b);



Nguyễn Tô Bảo Hoàng



BẢNG BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện huyện Củ Chi

".....(tên đơn vị)....., có địa chỉ tại:....., số đăng ký kinh doanh....., số điện thoại liên hệ....., email....."
Căn cứ thông báo mời chào giá của Bệnh viện huyện Củ Chi và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bảng báo giá các hàng hóa như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mã vật tư y tế theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021/Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017*	Mã kỹ hiệu/Chủng loại	Thành phần, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	DVT	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Hãng/Nước Chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Phân loại	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Thời gian giao hàng	Giá trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn vị trúng thầu (nếu có)	Ghi chú	
1																							
2																							

TỔNG CỘNG

Ghi chú:

* Theo hướng dẫn tại Công văn số 12609/SYT-KHTC ngày 27/11/2024 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 3514/QĐ-BYT ngày 21/11/2024.

- Nhà thầu điền đầy đủ thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có).
- Giá chào là giá cả bao gồm phí vận chuyển, ban giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).
- Báo giá có hiệu lực 120 ngày kể từ ngày báo giá.
- Nội dung nào không có thông tin nhà thầu để trống.

.....Ngày ... tháng ... năm 2025
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm theo Thông báo số: 200./TB-BVCC, ngày 13/02/2025)

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	Phần 1 (01 Khoản) Hóa chất chạy trên máy xét nghiệm sinh hóa Mindray BS- 240E			
1.1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CREATININE	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng CREATININ (máu), bao gồm Reagent 1 và Reagent 2. Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l. R2: Picric Acid: 26 mmol/l. Measuring range (phạm vi đo): 0,08 - 18 mg/dl. Phù hợp sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Mindray BS- 240E Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương.	Hộp	6,0
2	Phần 2 (01 Khoản) Hóa chất chạy trên máy xét nghiệm sinh hóa Mindray BS- 240E			
2.1	Hóa chất định lượng nồng độ CRP trong máu.	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP (C- reactive protein) trong máu hoặc huyết tương, huyết thanh. Phù hợp sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Mindray BS- 240E Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương.	Hộp	2,0
3	Phần 3 (01 Khoản) Que xét nghiệm COD CODEINE (nước tiểu)			
3.1	Que xét nghiệm COD CODEINE (nước tiểu)	Xét nghiệm Codeine (Nước tiểu) là xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng chảy bên để phát hiện định tính Codeine trong nước tiểu ở nồng độ ngưỡng sau là 300 ng/mL Thành phần: Dòng thử nghiệm Codeine-protein và tương ứng chứa liên hợp kháng thể đơn dòng kháng Codeine của chuột. Dòng đối chứng chứa kháng thể đa dòng IgG kháng thô của dê và kháng thể IgG thô Độ nhạy (so sánh với phương pháp phân tích sắc ký khí/ khối phổ): 100% Độ chính xác: (so sánh với phương pháp phân tích sắc ký khí/ khối phổ): COD: 100% Độ đặc hiệu: (so sánh với phương pháp phân tích sắc ký khí/ khối phổ) 98.8% Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức độ cao, thấp, bình thường (1.000-1.037) không có ảnh hưởng đến kết quả của test Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test Phản ứng nhiễu: Các chất can thiệp như: urê, albumin, nitrit, hemoglobin và bilirubin không phản ứng can thiệp dương tính cũng như phản ứng can thiệp âm tính sau 5 phút khi xét nghiệm ở nồng độ 100 µg/mL Thời gian đọc kết quả 3- 5 phút nhưng không đọc sau 10 phút Quy cách: 25 test/hộp Nhiệt độ bảo quản: 4-30 độ C Hạn sử dụng : 24 tháng Bảo quản tránh ánh nắng mặt trời, trong khoảng nhiệt độ 2-30°C. Test thử dạng khay Đạt chứng chỉ ISO/ CE/ FSC.	Test	800,0
4	Phần 4 (01 Khoản) Test nhanh HIV ½ Ab			
4.1	Test nhanh HIV ½ Ab	- Phát hiện định tính tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người. - Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100% đối với HIV-1 và HIV-2. - Bộ xét nghiệm bao gồm khay thử (trong từng túi riêng lẻ), ống mao dẫn, dung môi xét nghiệm. - Thành phần chính: Vạch thử T1: protein tái tổ hợp gp41 của HIV-1 và HIV-1 phân nhóm O; Vạch thử T2: gp36 của HIV-2. - Bảo quản: 2-40 độ C - Nằm trong danh sách WHO PQ. - Phân loại D - Sản xuất tại: Hàn Quốc/ Nhật Bản/ Hoa Kỳ/ Canada/ Châu Âu. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Test	2.000,0
5	Phần 5 (01 Khoản) Test xét nghiệm Rubella			
5.1	Test xét nghiệm Rubella	- Test xét nghiệm nhanh Rubella IgG/IgM. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Quy cách đóng gói: Hộp/25 test.	Test	50,0
6	Phần 6 (01 Khoản) Hóa chất chạy trên máy xét nghiệm miễn dịch Beckman coulter Access II			
6.1	Giếng phản ứng (Reaction Vessels-RV) dùng cho máy phân tích miễn dịch	Giếng phản ứng (Reaction Vessels - RV) dùng cho máy phân tích miễn dịch. Sử dụng trên hệ thống máy xét nghiệm Beckman coulter Access II. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
7	Phần 7 (01 Khoản) Hóa chất dùng cho máy điện giải			

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
7.1	Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/pH (Hãng: Erba - Model: Erba Lyte CaPlus)	Hóa chất chạy máy điện giải 5 thông số. Thành phần: Standard A 650ml (Na: 140 mmol/l, K: 4,0 mmol/l, Cl: 100 mmol/l, Ca: 1,0 mmol/l) Standard B 350ml (Na: 110 mmol/l, K: 8,0 mmol/l, Cl: 70 mmol/l, Ca: 2,0 mmol/l). Phù hợp sử dụng cho máy phân tích điện giải Erba Lyte Ca Plus. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	Hộp	4,0
8 Phần 8 (01 Khoản) Môi trường nuôi cấy vi khuẩn				
8.1	Bộ định danh vi khuẩn Gram âm dễ mọc	- Bộ định danh sinh hoá gồm tối thiểu 14 tính chất dùng để thử nghiệm. - Dùng để định danh các vi khuẩn Gram âm, dễ mọc. - Thử nghiệm: Glucose, Urease, IND, MR-VP, Citrat, H2S, ADH, LDC, ODC, di động, ... - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Bộ	5,0
9 Phần 9 (01 Khoản) Môi trường nuôi cấy vi khuẩn				
9.1	Bộ nhuộm Gram	- Thực hiện xét nghiệm nhuộm soi Gram. - Bao gồm 04 loại dung dịch thuốc nhuộm: Crystal violet (hoặc dung dịch tím genatian), Lugol (iod và KI), alcohol-acetone (hoặc cồn 90-95 độ, tẩy màu), Safranin (hoặc fuchsin kiềm). - Mỗi loại hoá chất có lọ chứa riêng biệt; mỗi lọ có thể tích không quá 350mL. - Mỗi bộ/ hộp có hướng dẫn sử dụng của sản xuất đi kèm. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Bộ	10,0
10 Phần 10 (01 Khoản) Môi trường nuôi cấy vi khuẩn				
10.1	Bộ nhuộm Ziehl-Neelsen	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISC, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Bộ	10,0
11 Phần 11 (01 Khoản) Môi trường nuôi cấy vi khuẩn				
11.1	Môi trường thạch hai ngăn MC/SS	- Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm, được phân làm 2 ngăn riêng biệt. Độ dày thạch: $4 \pm 0,5$ mm. - SS: Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc vi khuẩn Salmonella spp, Shigella spp. Phân biệt khả năng lên men lactose. - MC: môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn gram âm dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISC/FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Đĩa	500,0
12 Phần 12 (01 Khoản) Vôi soda cho máy gây mê				
12.1	Vôi soda cho máy gây mê	Dùng hấp thu khí CO2. Quy cách: Can 5kg. *Đạt tiêu chuẩn: ISO/EC hoặc tương đương.	Can	12,0
13 Phần 13 (01 Khoản) Dung dịch phun sát khuẩn phòng mổ				
13.1	Dung dịch phun sát khuẩn phòng mổ	Dung dịch dùng để khử trùng trong phòng mổ, buồng bệnh, phòng thí nghiệm, quy cách can 5L. *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương.	Can	20,0
14 Phần 14 (01 Khoản) Cồn y tế				
14.1	Cồn 70 độ	Cồn 70 độ dùng cho y tế, sát trùng ngoài da *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương.	Lít	600,0
15 Phần 15 (01 Khoản) Dung dịch sát khuẩn da phẫu thuật				
15.1	Dung dịch sát khuẩn da phẫu thuật	Dung dịch sát khuẩn da phẫu thuật, chứa 7,5% kl/kl povidone iodine (với nồng độ iodine tự do 10%) chai 500ml. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO.	Chai	120,0
16 Phần 16 (01 Khoản) Test nhanh HBsAg				
16.1	Test nhanh HBsAg	- Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) có mặt trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Không cần dung dịch đệm (lọ Buffer). - Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100% so với CLIA. - Ổn định 8 tuần tại $55 \pm 10^{\circ}\text{C}$. - Độ chính xác 100%. - Bảo quản: 2-40 độ C - Không phản ứng chéo với: HIV, HCV,... - Không có phản ứng gây nhiễu với: máu toàn phần của phụ nữ mang thai, mẫu có nồng độ protein phản ứng C tăng cao. -Thành phần chính: Vạch thử: kháng thể đơn dòng kháng HBs; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng IgY-gà Hàm lượng: - Giới hạn phát hiện: phát hiện được HBsAg từ nồng độ 0.01562 $\mu\text{g/ml}$. - Phân loại D - Sản xuất tại: Hàn Quốc/ Nhật Bản/ Hoa Kỳ/ Canada/ Châu Âu. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Test	1.500,0
17 Phần 17 (01 Khoản) Test nhanh HCV-Ab				

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
17.1	Test nhanh HCV-Ab	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100% - Không bị ảnh hưởng bởi: máu toàn phần của phụ nữ mang thai - Bảo quản: 2-40 độ C - Nằm trong danh sách WHO PQ - Kit thử ổn định 13 tuần ở nhiệt độ 55±1°C - Thành phần chính: Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng IgG; Đệm liên hợp: Kháng nguyên HCV NS3/NS4/NS5/lõi tái tổ hợp - keo vàng - Có thể phát hiện kháng thể kháng HCV genotype5 - Phân loại D - Sản xuất tại: Hàn Quốc/ Nhật Bản/ Hoa Kỳ/ Canada/ Châu Âu. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA hoặc CE hoặc tương đương. 	Test	1.000,0
18	Phân 18 (01 Khoản) Test nhanh giang mai			
18.1	Test nhanh giang mai	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng thể kháng giang mai từ huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu 99.1% so với TPHA - Không phản ứng chéo với HBV, HIV-1, HCV,... - Bảo quản: 2-40 độ C - Vạch thử phủ Syphilis tái tổ hợp p17; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng Syphilis p17 - Phân loại D - Sản xuất tại: Hàn Quốc/ Nhật Bản/ Hoa Kỳ/ Canada/ Châu Âu. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE-IVD hoặc tương đương. 	Test	500,0



